

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp T2, xã V, huyện M tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh V, sinh năm 1987
Địa chỉ: Ấp T2, xã V, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh V
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về hôn nhân: Chị B và anh V thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị B và anh V thống nhất giao cháu C, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2013 và cháu H, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2008 cho anh V trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh V đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu C và H nên được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Anh V không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng cho cháu C, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2013 và cháu H, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2008 nên không đặt ra giải quyết.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị B và anh V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh V về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung do anh V đang quản lý gồm: 01 (một) chiếc xe Airblade; 05 (năm) chỉ vàng 24K; 2,7 (hai phẩy bảy) chỉ vàng 18K; số tiền 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) và 04 (bốn) con heo có trọng lượng từ 80kg đến 90kg/con.

2.4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

2.5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình bằng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng hòa giải thành nên được giảm 50% bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị B tự nguyện nộp. Chị B đã nộp tạm ứng án phí 2.712.000 đồng (hai triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013498 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và được hoàn lại số tiền chênh lệch 2.562.000 đồng (hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện M;
- Chi Cục THADS huyện M ;
- Dương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ, tòa.

Lê Thị Mỹ Xuyên